TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8-HƯNG YÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 70/2026/HS-ST

Ngày 29-4-2026.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: bà Trần Thị Nhàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Luân

2. Bà Cao Thị Lan

- Thư ký phiên toà: bà Nguyễn Thị Gien Ny - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 8, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên toà: bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 59/2026/TLST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2026/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 4 năm 2026 đối với bị cáo:

Trần Văn L, sinh ngày 20/5/1994, tại xã T, tỉnh Hưng Yên; Căn cước công dân số: 034094000761 cấp ngày 19/12/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH; Nơi cư trú: thôn S, xã T, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn V và bà Nguyễn Thị C; có vợ Nguyễn Thị D và 02 con, lớn sinh năm 2019, nhỏ sinh năm 2023; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 01/02/2026 đến ngày 07/02/2026 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2, Công an tỉnh H (có mặt).

Những người chứng kiến:

1. Anh Trần Minh T, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Nơi cư trú: thôn T, xã T, tỉnh Hưng Yên.

2. Anh Nguyễn Đức Q, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Nơi cư trú: thôn C, xã T, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 18 giờ 30 phút ngày 31/01/2026, tổ công tác Công an xã T, tỉnh Hưng Yên làm nhiệm vụ tại khu vực chợ K, thôn K, xã T, tỉnh Hưng Yên phát hiện Trần Văn L, đi bộ có biểu hiện liên quan đến ma túy nên yêu cầu đứng lại kiểm

tra. Tại đây, trước sự chứng kiến của anh Trần Minh T và anh Nguyễn Đức Q, L tự nguyện giao nộp 01 túi nilon trong suốt, đóng kín, kích thước (5x8,5)cm có viền dập cài màu đỏ, chứa các hạt tinh thể màu trắng, giấu tại lòng bàn tay trái, L khai là ma túy, loại Methamphetamine mua với số tiền 500.000 đồng để sử dụng cho bản thân. Kiểm tra người Lãm không có đồ vật, tài sản. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu mẫu nước tiểu, niêm phong gói vật chứng trưng cầu giám định. Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trần Văn L không phát hiện, thu giữ đồ vật có liên quan đến vụ án.

Kết luận giám định số 362/KL-KTHS, ngày 04/02/2026 của Phòng K1, Công an tỉnh H: *"Mẫu vật chứng gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,1922 gam. Methamphetamine STT: 267 Danh mục IIC phụ lục kèm theo Nghị định 28/2026/NĐ-CP, ngày 19/01/2026 của Chính phủ"*.

Kết luận giám định số 361/KL-KTHS, ngày 04/02/2026 của Phòng K1, Công an tỉnh H: "*Trong mẫu nước tiểu gửi giám định không tìm thấy ma túy, sản phẩm chuyển hóa của ma túy*".

Bản Cáo trạng số 26/CT- VKSKV8 ngày 30/3/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Hưng Yên truy tố bị cáo L về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025 (BLHS).

Tại phiên tòa, bị cáo L khai nhận: Khoảng 18 giờ ngày 31/01/2026, L đi bộ từ nhà ra đường đi nhờ xe của người đàn ông, không biết tên, địa chỉ, biển số xe, đến chợ K, thôn K, xã T, tỉnh Hưng Yên xuống xe đi bộ tìm mua ma túy loại Methamphetamine để sử dụng. Tại đây, L gặp hỏi mua của người đàn ông không biết tên, tuổi, địa chỉ 01 túi ma túy có đặc điểm là túi nilon trong suốt, đóng kín, kích thước (5x8,5)cm có viền dập cài màu đỏ, chứa các hạt tinh thể màu trắng với số tiền 500.000 đồng. Lãm giấu túi ma túy ở lòng bàn tay trái đi bộ tìm nơi sử dụng thì gặp tổ công tác của Công an xã T, tỉnh Hưng Yên. Trước sự có mặt của những người chứng kiến, L tự nguyện giao túi ma túy ở lòng bàn tay trái cho Công an. Tổ công tác đã kiểm tra người, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu mẫu nước tiểu, niêm phong túi vật chứng.

Tại phiên tòa không phát sinh tình tiết mới, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Hưng Yên đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Tuyên bố bị cáo L phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025; đề nghị xử phạt bị cáo L từ 03 năm đến 03 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 01/02/2026; về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025, Điều 106 Bộ luật

Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong hoàn trả mẫu vật giám định số 362/KL-KTHS của Phòng K1 Công an tỉnh H; Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo không tranh luận gì và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an tỉnh H; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 tỉnh Hưng Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu chứng cứ sau: Biên bản bắt người phạm tội quả tang (kèm bản ảnh); Biên bản tạm giữ, niêm phong đồ vật tài liệu bị tạm giữ (bút lục số 30- 33); Biên bản mở niêm phong và giao nhận đối tượng giám định (bút lục số 42); Biên bản kiểm tra tình trạng sử dụng ma túy đối với Trần Văn L "*Âm tính với ma túy*" (bút lục số 36); Kết luận giám định số 362/KL-KTHS, ngày 04/02/2026 của Phòng K1, Công an tỉnh H; Kết luận giám định số 361/KL-KTHS, ngày 04/02/2026 của Phòng K1, Công an tỉnh H: "*Trong mẫu nước tiểu gửi giám định không tìm thấy ma túy, sản phẩm chuyển hóa của ma túy*"; Biên bản ghi lời khai của người chứng kiến anh Trần Minh T và anh Nguyễn Đức Q (bút lục số 82 - 89); cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Hồi 18 giờ 30 phút ngày 31/01/2026, tại khu vực chợ K, thôn K, xã T, tỉnh Hưng Yên, Trần Văn L có hành vi tàng trữ trái phép ở lòng bàn tay trái 01 túi ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,1922 gam để sử dụng cho bản thân, bị phát hiện, bắt quả tang. Hành vi của bị cáo thực hiện đã phạm vào tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 tỉnh Hưng Yên truy tố bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy

"1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 05 năm:

...

c) Heroine, C1, M, A, Ketamine, F, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản."

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Hành vi tàng trữ trái phép chất ma tuý mà bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy. Bị cáo là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực điều khiển hành vi của mình, nhận thức rõ ma túy là chất gây nghiện, gây tác hại nghiêm trọng đến sức khỏe con người, làm suy kiệt kinh tế gia đình, đồng thời ma túy cũng là nguyên nhân của nhiều loại tội phạm khác, gây mất trật tự xã hội. Nhà nước đã nghiêm cấm mọi hành vi tàng trữ, vận chuyển, mua bán, sử dụng…trái phép chất ma túy, để thoả mãn cơn nghiện bị cáo vẫn cố tình thực hiện.

Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025, trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử, xét thấy cần áp dụng hình phạt tù theo quy định của khung hình phạt, cách ly bị cáo khỏi cuộc sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo nói riêng và có tính chất răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Bị cáo tàng trữ ma túy, mục đích là để sử dụng cho bản thân, bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định, do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Nguồn gốc số Methamphetamine bị cáo Trần Văn L khai mua của người đàn ông không biết tên, địa chỉ, ở khu vực chợ K, thôn K, xã T, tỉnh Hưng Yên, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã xác minh do không xác định được danh tính nên chưa đủ căn cứ để xử lý người bán ma tuý cho bị cáo trong vụ án này.

[6] Về xử lý vật chứng: 0,1640 gam (không phẩy một nghìn sáu trăm bốn mươi gam) là ma tuý, loại Methamphetamine trong phong bì niêm phong hoàn trả mẫu vật giám định số 362/KL-KTHS của Phòng K1 Công an tỉnh H quản lý của bị cáo L là vật cấm lưu hành, cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Bị cáo L phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: bị cáo **Trần Văn L** phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý".

2. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025; Xử phạt bị cáo L **03 (Ba) năm** tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 01/02/2026.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu để tiêu huỷ 0,1640 gam (không phẩy một nghìn sáu trăm bốn mươi gam) ma tuý, loại Methamphetamine trong phong bì niêm phong hoàn trả mẫu vật giám định quản lý của bị cáo L số 362/KL-KTHS của Phòng K1 Công an tỉnh H.
(Vật chứng trên do Phòng thi hành án dân sự khu vực 8 tỉnh Hưng Yên đang quản lý)

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, bị cáo L phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: bị cáo L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND khu vực 8 - Hưng Yên;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hưng Yên;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Hưng Yên;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- Trại tạm giam số 2 - Công an tỉnh Hưng Yên;
- Bị cáo;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trần Thị Nhàn